

Số: 08/2023/QĐST-HNGĐ

QĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QĐ - TỈNH TTH.**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn Phò Nam A, xã QT, huyện QĐ, tỉnh TTH.

- Chị Cao Thị T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn Phò Nam A, xã QT huyện QĐ, tỉnh TTH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Nhật T và chị Cao Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và anh, chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện QĐ, tỉnh TTH ngày 28/7/2016. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh T, chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau nên vợ chồng 01 năm nay không chung sống với nhau và không còn tình cảm. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, nên anh T và chị T cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Nhật T và chị Cao Thị T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Nhật Phương L, sinh ngày 08/8/2017 và Nguyễn Nhật Phương A, sinh ngày 20/9/2019.

Khi ly hôn anh T và chị T thỏa thuận giao 02 cháu L và cháu A cho chị Cao Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Nhật T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.500.000

đồng, kể từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.500.000 đồng, kể từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Nhật T và chị Cao Thị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Nhật T và chị Cao Thị T xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Nhật T và chị Cao Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, nhưng anh T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn của cả hai người là 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 03 tháng 02 năm 2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Nhật T và chị Cao Thị T.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Nhật Phương L, sinh ngày 08/8/2017 và Nguyễn Nhật Phương A, sinh ngày 20/9/2019 cho chị Cao Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Nhật T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.500.000 đồng, kể từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.500.000 đồng, kể từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Nhật T và chị Cao Thị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Nhật T và chị Cao Thị T xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Nhật T và chị Cao Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn của cả hai người là 300.000 đồng và anh T đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002257 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QĐ, tỉnh TTH, nên được khấu trừ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T T H;
- VKSND huyện QĐ;
- THADS huyện QĐ;
- UBND xã QT, huyện QĐ;
(ĐKKH số 44 ngày 28/7/2026)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Quốc Công

